

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC MẦM NON VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG GIAI ĐOẠN 1995-2000

Phạm Đức Thuận¹

¹ Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ

Thông tin chung:

Ngày nhận: 19/09/2013

Ngày chấp nhận: 25/02/2014

Title:

The process of development of preschool education in the Mekong Delta (1995-2000)

Từ khóa:

Giáo dục mầm non, đồng bằng sông Cửu Long, thành tựu

Keywords:

Preschool education, the Mekong Delta, achievements

ABSTRACT

Preschool education plays an important role for education in the new era to meet the requirements of industrialization and modernization of the country. Since the country's innovation particularly in the period 1995 - 2000, preschool education of the Mekong Delta has made significant changes and gained many achievements. In addition to achievements, some limitations remain, but the period 1995 - 2000 witnessed the sharp positive change of preschool education in the Mekong Delta.

TÓM TẮT

Giáo dục mầm non có vị trí quan trọng đối với sự nghiệp giáo dục trong thời kỳ mới nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Từ sau khi đất nước Đổi mới, nhất là trong giai đoạn 1995 – 2000, giáo dục mầm non vùng đồng bằng sông Cửu Long đã có những bước chuyển biến quan trọng và đạt được những thành tựu to lớn. Bên cạnh những thành tựu đạt được vẫn còn một số hạn chế nhất định, nhưng nhìn chung giai đoạn 1995 – 2000 đã chứng kiến một sự thay đổi rõ nét, vượt bậc của giáo dục mầm non ở vùng đất đồng bằng sông Cửu Long.

1 BỐI CẢNH LỊCH SỬ

Trong Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa VI, sự nghiệp giáo dục và đào tạo được xác định: “Giáo dục nhằm mục tiêu hình thành và phát triển toàn diện nhân cách xã hội chủ nghĩa của thế hệ trẻ, đào tạo đội ngũ lao động có kỹ thuật đồng bộ về ngành nghề, phù hợp với yêu cầu phân công lao động của xã hội” [2; tr 22]. Trong đó giáo dục mầm non và phổ thông được Đại hội định hướng: “Xây dựng ngành giáo dục mầm non, nâng cao chất lượng nuôi dạy trẻ em, phát triển các lớp mẫu giáo” [2; tr 23].

Sau 10 năm thực hiện đường lối đổi mới đất nước (1986 – 1995), nền kinh tế Việt Nam có những biến chuyển khởi sắc, tại Đại hội lần thứ VII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã thông qua

“Chương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội”, trong đó đã xác định: “Giáo dục và đào tạo gắn liền với sự nghiệp phát triển kinh tế, phát triển khoa học, kỹ thuật, xây dựng nền văn hóa mới và con người mới. Nhà nước có chính sách toàn diện thực hiện giáo dục phổ cập phù hợp với yêu cầu và khả năng của nền kinh tế, phát triển năng khiếu, bồi dưỡng nhân tài. Khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo phải được xem là quốc sách hàng đầu” [2, tr 65].

Hòa chung với cả nước, nhân dân vùng đồng bằng sông Cửu Long tiến hành xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội và đã thu được những thành tựu quan trọng, đặc biệt trên lĩnh vực giáo dục, tiêu biểu là trong hoạt động giáo dục mầm non. Trong giai đoạn trước khi tiến hành đổi mới (1975 – 1986) và 10 năm tiếp theo (1986 – 1995) ngành giáo dục mầm non của vùng dường như không có

sự phát triển và chững lại vì những khó khăn về kinh tế - xã hội. Tuy nhiên từ năm 1995 đến năm 2000, giáo dục mầm non của vùng đạt được những thành tựu nổi bật, đóng góp vào quá trình xây dựng và phát triển nền tảng con người ở vùng đồng bằng sông Cửu Long.

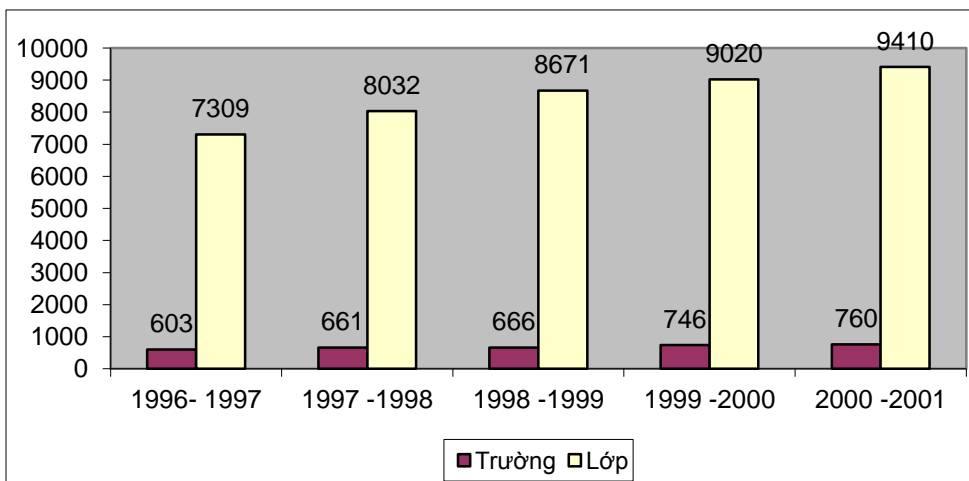
2 SỰ PHÁT TRIỂN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG TRONG GIAI ĐOẠN 1995 – 2000

2.1 Mạng lưới trường lớp phát triển tương đối rộng khắp, đáp ứng yêu cầu giáo dục mầm non trong giai đoạn mới

Trong giai đoạn 1995 – 2000, hệ thống giáo dục quốc dân của cả nước và vùng đồng bằng sông Cửu Long đã từng bước được sửa đổi và hoàn thiện theo Nghị định 90/CP của Chính phủ ban hành vào năm 1993 và Luật giáo dục năm 1998 nhằm mục tiêu đáp ứng được nhu cầu phát triển giáo dục, yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội của vùng. Do đó, trong giai đoạn này ngành giáo dục mầm non bao gồm có nhà trẻ và mẫu giáo, thực hiện việc nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ từ 3 tháng đến 6 tuổi. Từ năm học 1995-1996, hình thức giáo dục mầm non được đẩy mạnh theo hướng dân lập hóa và tư thực hóa, xu hướng này đã giúp giáo dục mầm non

phát triển nhanh chóng cả về số lượng lẫn chất lượng. Ngành mầm non đã thực hiện hiệu quả các cuộc vận động “*xã hội hóa giáo dục*”, các hội thi “*bé khỏe, bé ngoan*”, “*nuôi con khỏe*”, “*Bé khéo tay*”..., từ đó có được sự quan tâm từ các phụ huynh của trẻ, thu hút được các lực lượng xã hội vào công tác chăm sóc – giáo dục trẻ và làm thay đổi nhận thức của xã hội về nhà trường mầm non.

Nhờ có những chủ trương và các đề án phát triển giáo dục mầm non từ Chính phủ, giáo dục mầm non của cả nước nói chung và của vùng nói riêng đã được phục hồi và phát triển với những dấu hiệu tích cực. Số lượng nhà trẻ, trường mầm non, trường mẫu giáo gọi chung là cơ sở giáo dục mầm non cũng có sự phát triển mới. Các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số và các tỉnh mà giáo dục mầm non trước kia phát triển chậm đã mở thêm được một số cơ sở, số “*xã trắng*” về giáo dục mầm non giảm đáng kể. Cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập tăng nhanh, đồng thời diễn ra quá trình hoán đổi một số trường công lập ở thành phố, thị xã, thị trấn sang bán công và chuyển một số trường dân lập, bán công tại các xã đặc biệt khó khăn sang công lập. Tình hình đó được thể hiện rõ qua Biểu đồ sau:



Hình 1: Biểu đồ số cơ sở giáo dục mầm non theo năm học

Nguồn: Tổng hợp niên giám thống kê các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long theo năm học

Tổng số cơ sở giáo dục mầm non ngày càng tăng lên, nếu trong năm học 1995- 1996, toàn vùng có 592 trường với 6.932 lớp thì đến đầu năm học 2000 - 2001 đã lên 760 trường với 9.410 lớp, tăng 168 trường và 2.478 lớp. Số trường mầm non mỗi năm tăng đều và ít có sự biến động, bình quân mỗi năm tăng 34 trường và 526 lớp. Sự gia tăng đó phản ánh sự phát triển tích cực và đồng thời thể

hiện sự cố gắng nỗ lực để phát triển giáo dục mầm non của nhân dân toàn vùng. Nhiều điểm trường mầm non được xây dựng ở những nơi thuận lợi nhằm tạo điều kiện để thu hút số đông trẻ đến trường.

Ở mỗi tỉnh khác nhau, sự phát triển mạng lưới trường lớp cũng có những nét riêng:

Bảng 1: Thống kê số cơ sở mầm non ở các tỉnh theo năm học

Đơn vị tính: Trường

Tỉnh	Năm học				
	1995-1996	1996-1997	1997-1998	1998-1999	1999-2000
Long An	98	98	84	79	86
Đồng Tháp	57	57	66	72	72
An Giang	44	49	62	64	84
Tiền Giang	99	101	102	101	99
Vĩnh Long	54	55	59	60	68
Bến Tre	45	51	81	70	76
Kiên Giang	33	28	34	30	29
Hậu Giang	78	78	76	79	95
Trà Vinh	21	20	23	25	26
Sóc Trăng	23	24	25	31	31
Bạc Liêu	20	21	20	25	48
Cà Mau	20	21	29	30	32
Tổng	592	603	661	666	746

Nguồn: Tổng hợp từ niên giám thống kê các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long theo năm học

Qua số liệu bảng trên cho ta thấy sự khác biệt, tùy theo điều kiện của từng vùng mà số trường mới được xây dựng. Các tỉnh có nền kinh tế phát triển tốt như Long An, Tiền Giang, Cần Thơ là cũng những tỉnh có nhiều trường mầm non nhất. Các tỉnh có điều kiện kinh tế khó khăn hay hải đảo, vùng dân tộc thiểu số như Kiên Giang, Trà Vinh, Bạc Liêu, Cà Mau là những tỉnh có ít cơ sở giáo dục mầm non nhất và số trường mới được xây dựng ít nhất. Bên cạnh các nguyên nhân do đặc thù về kinh tế và địa lý còn do một số tỉnh này có sự chia tách nên chưa có sự chuyên giao, chỉ đạo kịp thời để giáo dục mầm non phát triển (như trường hợp chia tách tỉnh Minh Hải, Vĩnh Trà).

Sự phát triển các trường cũng có những năm bị giảm sút nhưng không đáng kể và sau đó lại tiếp tục phát triển. Nguyên nhân là do nhiều điểm trường mầm non phát sinh trước đây như các trường đặc thù trong hợp tác xã, vùng sâu cũng được sáp nhập với nhau để hình thành các điểm trường mới khang trang hơn. Về cơ bản ta thấy, mặc dù các cơ sở giáo dục Mầm non còn phát triển chậm nhưng với số lượng trường lớp phát triển trong giai đoạn trên đã phần nào đáp ứng được nhu cầu đi học của trẻ em trong vùng. Tuy nhiên, số lượng các phòng học kiên cố còn rất ít, còn lại đa phần là các trường học tạm bợ bằng tre nứa, các

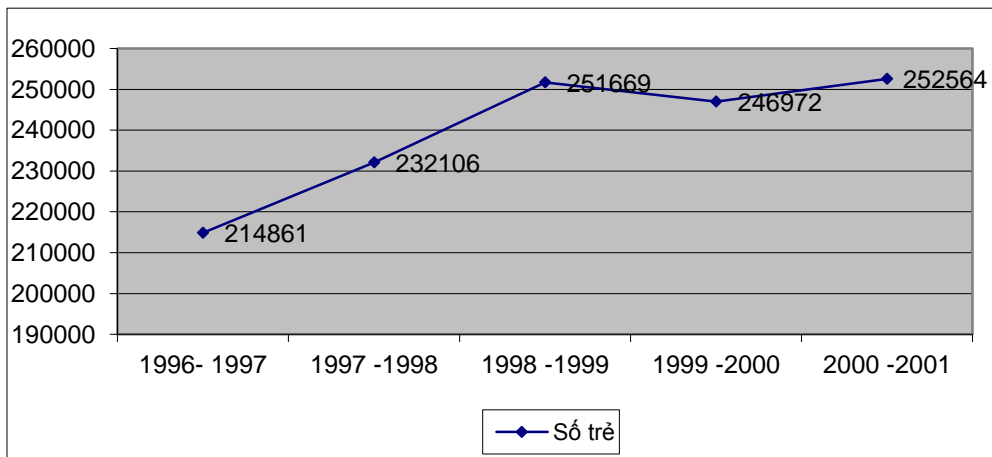
trường cấp 4, cấp 3 và các trường thuê mượn của nhà chùa, nhà dân.

2.2 Quy mô trẻ đến các trường mầm non tăng cao

Số lượng trẻ ở các cơ sở giáo dục mầm non tăng dần. Số trẻ trong độ tuổi mầm non đến lớp trung bình tăng nhưng vẫn thấp so với cả nước tỷ lệ 5,3% đối với nhà trẻ; 49,5% đối với mẫu giáo trong khi đó đồng bằng sông Hồng đạt tỷ lệ cao nhất là 36,8% đối với nhà trẻ và 82,5% đối với mẫu giáo.

Hầu như các xã vùng nông thôn đều có lớp mẫu giáo 5 tuổi, có nhóm trẻ gắn với trường tiểu học. Số lượng trẻ là con của đồng bào dân tộc thiểu đi học tăng đáng kể, số trẻ 5 tuổi qua lớp mẫu giáo chuẩn bị vào lớp 1 tăng mạnh. Trẻ qua lớp mẫu giáo vào học lớp 1 được trang bị đầy đủ các kỹ năng để có thể vào tiểu học như tự thể ngồi đúng khi học, biết tập trung khi nghe thầy cô giảng bài, biết cầm bút để vẽ, biết cầm sách để đọc và phát âm tương đối đúng.

Quy mô giáo dục mầm non giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng khác nhau có khoảng cách đáng kể. Tỷ lệ trẻ em ra lớp ở các vùng sâu, vùng xa, vùng nông thôn còn thấp, toàn vùng chỉ đạt 5,5% ở nhà trẻ và 42,7% ở mẫu giáo.



Hình 2: Biểu đồ số trẻ mầm non đến trường theo năm học

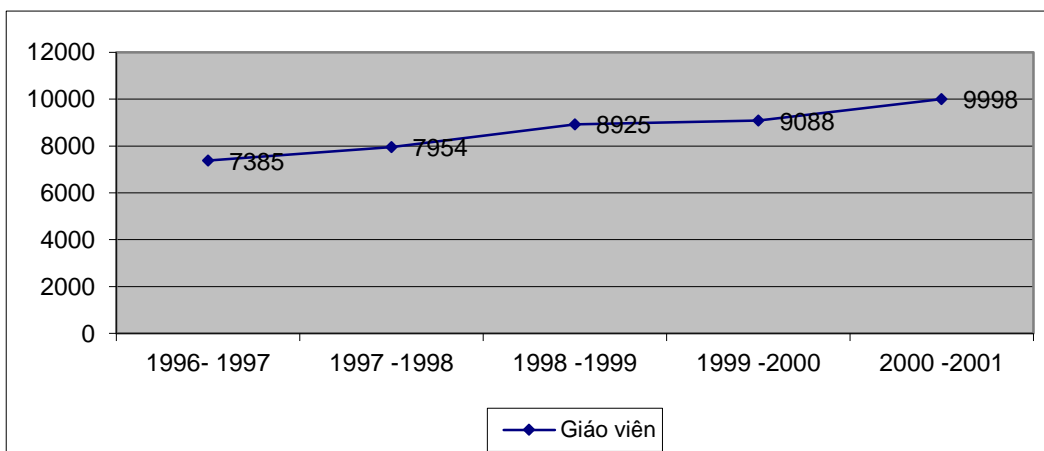
Nguồn: Tổng hợp từ niên giám thống kê các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long theo năm học

2.3 Số giáo viên mầm non tăng trở lại, khắc phục được tình trạng thiếu giáo viên mầm non trầm trọng

Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục mầm non của vùng giai đoạn này tăng trở lại, tình trạng giáo viên bỏ dạy ra làm kinh tế phần nào được khắc phục, đội ngũ giáo viên ngày càng có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nhiệt tình tâm huyết với ngành, ham học hỏi và có ý thức nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ. Số lượng giáo viên và cán bộ quản lý cơ bản đáp ứng được nhu cầu hiện tại, có được điều đó là nhờ hệ thống cơ chế chính sách trong các khâu tuyển dụng, bố trí, đãi ngộ giáo viên trong vùng đã không ngừng hoàn thiện tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển đội ngũ. Thu nhập và mức sống của giáo viên mầm non ngoài biên chế được cải thiện một bước ở hầu hết các tỉnh, thành

phố nhưng vẫn còn thấp so với yêu cầu cuộc sống lúc bấy giờ.

Số lượng giáo viên đã có sự gia tăng ổn định, năm học 1996-1997, số giáo viên của nhà trẻ và mẫu giáo là 7.385 người, đến đầu năm học 2000-2001 là 9.998 người, tăng 2.613 người, bình quân mỗi năm tăng hơn 522 người. Tỷ lệ giáo viên/ học sinh năm học 1996 – 1997 là 29 trẻ/ giáo viên, năm học 2000 – 2001 là 25,3 trẻ/ giáo viên. Tỷ lệ giáo viên nữ chiếm gần như 100%, số giáo viên các trường công lập chiếm tỷ lệ lớn, trường mầm non tư số lượng không đáng kể. Ở các lớp mầm non dành cho người dân tộc, một nỗ lực đáng ghi nhận là đã thực hiện được việc sử dụng phần lớn giáo viên là người dân tộc, nhờ vậy mà công tác giáo dục mầm non ở vùng dân tộc thiểu số có nhiều chuyển biến khả quan hơn.



Hình 3: Biểu đồ thống kê số giáo viên mầm non giai đoạn theo năm học

Nguồn: Tổng hợp từ niên giám thống kê các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long theo năm học

2.4 Cơ sở vật chất kĩ thuật của vùng có sự chuyển biến rõ rệt so với trước

Đối với cơ sở đào tạo: mạng lưới các trường sư phạm mầm non ngày càng được mở rộng trong toàn vùng, góp phần tích cực vào việc nâng cao số lượng và chất lượng đội ngũ giáo viên mầm non. Ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, các trường Cao đẳng sư phạm địa phương (11/12 tỉnh) đều mở lớp đào tạo giáo viên mầm non, hay tổ chức các lớp nghiệp vụ mầm non cho các giáo viên đã công tác lâu năm mà chưa được đào tạo bài bản trong các giai đoạn trước đây bổ sung chuyên môn nghiệp vụ. Chương trình được đào tạo phương thức đa dạng hóa về hình thức và về trình độ nhằm đảm bảo số lượng và nâng cao chất lượng.

Bảng 2: Thống kê trường Cao đẳng Sư phạm đào tạo giáo viên mầm non ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long

STT	Tỉnh	Cơ sở đào tạo
1	Long An	Cao đẳng Sư phạm Long An
2	Đồng Tháp	Cao đẳng Sư phạm Đồng Tháp
3	An Giang	Cao đẳng Sư phạm An Giang
4	Tiền Giang	Cao đẳng Sư phạm Tiền Giang
5	Vĩnh Long	Cao đẳng Sư phạm Vĩnh Long
6	Bến Tre	Cao đẳng Sư phạm Bến Tre
7	Kiên Giang	Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang
8	Hậu Giang	Cao đẳng Sư phạm Cần Thơ
9	Trà Vinh	Cao đẳng Sư phạm Trà Vinh
10	Sóc Trăng	Cao đẳng Sư phạm Sóc Trăng
11	Bạc Liêu	Cao đẳng Sư phạm Bạc Liêu

Nguồn: Niên giám thống kê của các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long theo năm học

Đối với cơ sở vật chất của trường lớp mầm non: cơ sở vật chất kĩ thuật của các trường mầm non đã có bước chuyển biến rõ rệt so với trước. Tùy theo điều kiện của từng địa phương mà cơ sở vật chất trường lớp ngày càng được cải thiện với mức độ khác nhau. Các cấp chính quyền địa phương đã phối hợp với ngành giáo dục từng bước khắc phục tình trạng trường học là bằng tranh, tre, nứa, thực hiện chương trình kiên cố hóa trường học. Các trường mầm non đều có sân chơi, nhiều địa phương chăm lo cho việc xây dựng các công trình vệ sinh, trang bị bàn ghế đúng tiêu chuẩn và cải tạo các điều kiện môi trường; nơi thuận lợi đã trang bị đầy đủ tài liệu, sách, tranh và đồ chơi phục vụ cho nhu cầu nâng cao chất lượng chăm sóc – giáo dục trẻ. Trong công tác này, Tỉnh Hậu Giang và Tiền Giang thực hiện tương đối đồng đều với tỷ lệ kiên cố hóa trên 75%, các tỉnh khó khăn như Trà Vinh, Sóc Trăng vào khoảng 52% nhưng so với giai đoạn

1975 – 1995 toàn vùng tỷ lệ chưa đến 25% thì đây là một nỗ lực đáng ghi nhận.

Cùng với việc kiên cố hóa trường học thì việc xây dựng các trường chuẩn quốc gia đối với giáo dục mầm non đã có tác dụng thiết thực trong việc từng bước chuẩn hóa và hiện đại hóa nhà trường, tạo diện mạo mới cho giáo dục mầm non theo hướng chuẩn hóa hệ thống trường lớp, đảm bảo tốt hơn yêu cầu thực hiện giáo dục toàn diện. Trong thời gian này, một số trường mầm non được nâng cấp quốc gia như Mầm non Phương Bình (Hậu Giang), Mầm non Ngã Bảy (Hậu Giang), Mầm non Mỹ Tho (Tiền Giang)...

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được sau hơn 10 năm đổi mới và nhất là trong giai đoạn 1995 - 2000, giáo dục mầm non đồng bằng sông Cửu Long vẫn còn những hạn chế nhất định. Một trong những hạn chế đáng quan tâm đó là chất lượng và hiệu quả giáo dục mầm non chưa cao. Trình độ kiến thức, kỹ năng thực hành của giáo viên còn hạn chế. Gia đình, các tập thể và cộng đồng xã hội chưa phát huy hết vai trò của mình đối với giáo dục mầm non.

Ở góc độ vĩ mô chính sách của Chính phủ và Nhà nước chưa đủ mạnh để thể hiện quan điểm của Đảng ta: “*giáo dục, đào tạo là quốc sách hàng đầu*”. Tiền lương của cán bộ, giáo viên phụ trách giáo dục mầm non không đáp ứng được điều kiện sống hiện tại, đời sống giáo viên mầm non còn chật vật, cơ sở vật chất còn thiếu.

3 KẾT LUẬN

Giáo dục mầm non đồng bằng sông Cửu Long từ sau Đổi mới, nhất là trong giai đoạn 1995 - 2000 đã góp phần quan trọng nâng cao dân trí nhờ đó mà chất lượng giáo dục các cấp tiếp theo dần dần có những bước tiến bộ trên các mặt, trong đó giáo dục mầm non đã xuất hiện các loại hình trường lớp mầm non đa dạng hơn, tạo thêm cơ hội học tập cho trẻ em, đã huy động được thêm các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước để chăm lo cho sự nghiệp giáo dục mầm non, thêm vào đó các gia đình, các đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội đã chăm lo cho giáo dục mầm non nhiều hơn trước.

Có được những thành tựu trên là do đường lối giáo dục và đào tạo đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta, cụ thể là chính sách đổi mới trong giáo dục và đào tạo nói chung và giáo dục mầm non nói riêng. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục mầm non đều có những cố gắng rất lớn, gắn bó với trường, với lớp, nêu cao tinh thần chịu đựng gian khổ, hy sinh vì sự nghiệp trồng người.

Bên cạnh những thành tựu đạt được sau hơn 20 năm đổi mới, giáo dục mầm non vùng đồng bằng sông Cửu Long vẫn còn những hạn chế nhất định. Một trong những hạn chế đáng quan tâm đó là chất lượng và hiệu quả giáo dục, vẫn còn tồn tại tình trạng cơ sở vật chất phục vụ giáo dục mầm non xuống cấp nặng nề, đặc biệt là ở các tỉnh vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc ít người. Đội ngũ giáo viên chưa được đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ vẫn còn nhiều, các cơ sở đào tạo ngành giáo viên mầm non vẫn chưa thật sự xây dựng được một khung chương đào tạo hợp lý nhằm đáp ứng yêu cầu đặt ra trong giai đoạn mới,...

Giáo dục mầm non trong giai đoạn 1995 – 2000 đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm trong công tác xây dựng và phát triển ngành học mầm non ở vùng đồng bằng sông Cửu Long trong các giai đoạn tiếp theo. Đó là cần quan tâm đến công tác đào tạo đội ngũ cán bộ, giáo viên mầm non thật sự có năng lực chuyên môn tốt, yêu nghề, xem đây như là một yếu tố quan trọng hàng đầu trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục mầm non, bên cạnh đó cần nâng cao chế độ đãi ngộ cũng như quan tâm đến việc xây dựng hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất cho trẻ, không thể tổ chức dạy học mầm non cho trẻ hiệu quả nếu các trường, lớp, cơ sở vật chất xuống cấp, đồ dùng dạy học lạc hậu và cũ kĩ. Song song đó, các trường sư phạm phải hoàn thiện một chương trình dạy học mầm non hoàn chỉnh theo hướng tiếp cận chương trình giáo dục mầm non tiên tiến của khu vực và trên thế giới.

Nhìn chung với chủ trương đổi mới của Đảng ta, giáo dục mầm non vùng đồng bằng sông Cửu Long đã có bước phát triển mới, đạt nhiều thành tựu quan trọng. Trong những năm tiếp theo, vấn đề đầy mạnh đổi mới giáo dục mầm non đã được đặt ra như là một tất yếu khách quan nhằm đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xóa bỏ nghèo nàn lạc hậu, thực hiện dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh trên vùng đất giàu tiềm năng đồng bằng sông Cửu Long.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (1995), *50 năm phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đảng thời kỳ đổi mới về văn hóa, xã hội, khoa học – Kỹ thuật, Giáo dục, đào tạo*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Phạm Văn Đồng (1979), *Sự nghiệp giáo dục trong chế độ xã hội chủ nghĩa*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
4. Hoàng Đình Huy (2009), *Đổi mới giáo dục và đào tạo - Thời cơ và thách thức*, Nxb Lao động, Hà Nội.
5. Niên giám thống kê các Tỉnh, Thành phố ở đồng bằng sông Cửu Long qua các năm 1995 đến năm 2000.
6. Các báo cáo tổng kết năm học của các tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long qua các năm học.